

Bản án số: 84/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 01/4/2025

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Sâm**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Tám**
2. Ông **Trần Văn Sáu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 640/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Cổ Thị Kim N**, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Duy T**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N và anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Cổ Thị Kim N** trình bày: Chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không thích phụ nữ, nên sau khi cưới anh T không quan tâm gì đến chị, không quan tâm gì đến gia đình và có lần anh T còn đánh đập chị. Từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh T đã chính thức ly thân từ khoảng giữa

năm 2022 đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Duy T không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị và anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về quan hệ tranh chấp: Chị N yêu cầu xin ly hôn với anh T, nên xác định đây là tranh chấp Xin ly hôn theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Chị N là nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt theo đơn đề ngày 25/02/2025. Xét yêu cầu xin vắng mặt của chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị N khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

- Chị Cổ Thị Kim N và anh Trần Duy T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 10/01/2022. Sau khi cưới, vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị N trình bày là do anh T không quan tâm gì đến chị, không quan tâm gì đến cuộc sống của vợ chồng và có lần anh T còn đánh đập chị. Từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh T đã chính thức ly thân từ khoảng giữa năm 2022 đến nay.

Anh Trần Duy T là bị đơn đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần để hoà giải và xét xử việc chị N xin ly hôn anh, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện, chứng tỏ anh cũng không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N, đồng thời xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi của mình.

- Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N và cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung*: Chị N và anh T không có con chung nên không đặt ra xem xét

[2.3]. *Về tài sản chung*: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. *Về nợ chung*: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[3]. **Về án phí**: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo**: Chị N và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cổ Thị Kim N.

- Cho chị Cổ Thị Kim N được ly hôn với anh Trần Duy T.

2. *Về con chung*: Không có, nên không đặt ra xem xét.

3. *Về tài sản chung*: Không có, nên không đặt ra xem xét.

4. *Về nợ chung*: Không có, nên không đặt ra xem xét.

5. *Về án phí sơ thẩm*:

- Chị Cổ Thị Kim N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0016125 ngày 11/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xem như chị đã thi hành xong phần án phí.

6. *Về quyền kháng cáo*:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hậu Mỹ Bắc A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sâm